

Bản án số: 267/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phụng

2. Ông Võ Lâm Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:
không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 447/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L.T, xã L.Đ B, huyện C.M, tỉnh A.G; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp L.T, xã L.Đ B, huyện CM, tỉnh A.G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày, qua tìm hiểu, bà H và ông Lê Văn L chung sống với nhau vào năm 1998, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 20/01/1999 và Lê Văn L1, sinh ngày 17/04/2001. Hiện tại, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Sau thời 20 năm chung sống, bà H, ông L thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình. Đến đầu năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung từ khoảng năm 2018 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Kim C và Lê Văn L1 do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản sao giấy khai sinh của Lê Thị Kim C; Lê Văn L1; sổ hộ khẩu;

- Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L. Đồng thời, ông L cư trú trên địa bàn huyện C.M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà H, ông L đều vắng mặt. Trong đó, bà H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông L theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà H và ông L sau thời gian tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận bà H và ông L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Bà H xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 20/01/1999 và Lê Văn L1, sinh ngày 17/4/2001.

Xét thấy, các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà H không yêu cầu xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Hạnh xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị H và ông Lê Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: do các con chung Lê Thị Kim C, sinh 20/01/1999 và Lê Văn L1, sinh ngày 17/04/2001 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009584 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.M, tỉnh A.G cấp ngày 07 tháng 6 năm 2021; bà Phan Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị H và ông Lê Văn L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã L.Đ B, huyện C.M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong